TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10-8-2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thái Sơn.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Bẩy; Ông Giáp Văn Phẩm.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 201/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 24/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Diêm Văn Đạo, sinh năm 1962 (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Số nhà 20 đường N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai.
Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964 (Có mặt)
Nơi cư trú: Khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2018 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Diêm Văn Đ trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị X chung sống với nhau từ tháng 02 năm 1987, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng vợ chồng không đăng ký kết hôn. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau tại khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống tình cảm, hòa thuận, hạnh phúc từ đó đến đầu năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra tranh luận, căng thẳng với nhau, kinh tế gia đình không phát triển được. Vợ chồng

đã sống ly thân từ đầu năm 1998 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà Nguyễn Thị X.

- Về con chung: Ông và bà X có hai người con chung là Diêm Thành Đ, sinh năm 1987 và Diêm Diệu L, sinh năm 1991. Hiện nay cả hai cháu đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, số nợ, ruộng canh tác: Ông và bà X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Ông Diêm Văn Đ xin chịu cả tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/6/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày: Bà và ông Diêm Văn Đ chung sống với nhau từ năm 1987, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng vợ chồng không đăng ký kết hôn. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau tại khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống tình cảm, hòa thuận, hạnh phúc từ đó đến đầu năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra căng thẳng với nhau, kinh tế gia đình không phát triển được. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 1998 đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Diêm Văn Đ xin ly hôn thì bà đồng ý.

- Về con chung: Bà và ông Diêm Văn Đ sinh được hai người con chung là Diêm Thành Đ, sinh năm 1987 và Diêm Diệu L, sinh năm 1991. Hiện nay cả hai cháu đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, số nợ, ruộng canh tác: Bà và ông Diêm Văn Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà nhất trí để ông Diêm Văn Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Diêm Văn Đ có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị X giữ nguyên những lời khai có trong hồ sơ vụ án, không bổ sung thêm gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Diêm Văn Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Diêm Văn Đ, không công nhận ông Diêm Văn Đ và bà Nguyễn Thị X là vợ chồng.

- Về con chung, tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Ông Diêm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Ông Diêm Văn Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho ông và bà Nguyễn Thị X được ly hôn. Bị đơn bà Nguyễn Thị X có địa chỉ cư trú tại khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về việc người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa: Bị đơn là ông Diêm Văn Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Diêm Văn Đ và bà Nguyễn Thị X chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02 năm 1987, trước khi về chung sống với nhau hai bên có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống với nhau từ năm 1987 cho đến nay ông bà không đi đăng ký kết hôn lại theo nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 về việc khuyến khích đăng ký kết hôn, là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mâu thuẫn vợ chồng ông Đ, bà X phát sinh khoảng đầu năm 2018, ông Đ và bà X đã sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ đầu năm 2018 đến nay. Hiện mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, ông Đạo có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà Xuân nên cần áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử: Không công nhận ông Diêm Văn Đ và bà Nguyễn Thị X là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông Diêm Văn Đ và bà Nguyễn Thị X sinh được hai người con chung là Diêm Thành Đ, sinh năm 1987 và Diêm Diệu L, sinh năm 1991. Hiện nay cả hai người con của ông bà đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, ông Đ và bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Ông Diêm Văn Đ và bà Nguyễn Thị X tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Ông Diêm Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Diêm Văn Đ: Không công nhận ông Diêm Văn Đ và bà Nguyễn Thị X là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Diêm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận ông Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0003446 ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Ông Diêm Văn Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- UBND thị trấn C, huyện L;
- UBND thị xã A, tỉnh G;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao.
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn